TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 45/2026/DS-ST
Ngày: 28/01/2026
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Công;

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 749/2025/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần H1; địa chỉ trụ sở chính: Số E, N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường L, Thành phố Hà Nội).

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: gồm các ông (bà): Kiều Lê Minh N, Nguyễn Văn T và Đàm Xuân H; cùng địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà ROX, số A, Nguyễn Công T1, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn (giấy ủy quyền ngày 16/5/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1981; cùng nơi thường trú: Số D, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2022, giữa Ngân hàng và ông Đ thỏa thuận ký Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại thẻ MSB Mastercard Daily S, hạn mức tín dụng là 280.000.000 đồng, lãi suất trong hạn áp dụng là 40%/năm, lãi suất quá hạn là 145% lãi suất chi tiêu trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 276.022.601 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 04/01/2023, ông Đ đã vi phạm Điều khoản điều kiện giao dịch chung về việc cấp tín dụng đối với khách hàng Cá nhân tại MSB, qua đó ông Đ đã không thanh toán các khoản nợ gốc, lãi theo đúng cam kết. Tính đến ngày 12/5/2025 ông Đ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 60.308.633 đồng (trong đó nợ gốc là 5.513.062 đồng, lãi trong hạn là 54.793.571 đồng, lãi quá hạn là 2.000 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà N1 phải trả toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/01/2026 là 672.347.601 đồng (trong đó tiền gốc là 270.509.539 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.607.803 đồng, tiền lãi quá hạn là 313.230.259 đồng).

Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đ và bà N1. Theo kết quả xác minh tại Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh: Qua xác minh xác định ông Nguyễn Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Minh N1 không cư trú sinh sống tại địa chỉ Số D, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị đơn ông Đ và bà N1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ và bà N1 bằng hình thức đăng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, tuy nhiên ông Đ và bà N1 không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1, không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Đ và bà N1 trước đây có đăng ký tạm trú tại số D, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Ngày 02/11/2022, giữa Ngân hàng và ông Đ thỏa thuận ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, hạn mức sử dụng 280.000.000 đồng. Quá trình sử dụng ông Đ không thanh toán hết số nợ và các khoản phí, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, gây thiệt hại cho Ngân hàng. Mặc dù, giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB chỉ có ông Đ ký tên tuy nhiên tại văn bản thỏa thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho ngân hàng (bút lục 42) thì bà N1 cam kết và có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng, khế ước nhận nợ, giấy nhận nợ…cho ngân hàng. Bị đơn ông Đ và bà N1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ và bà N1 bằng hình thức đăng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, tuy nhiên ông Đ và bà N1 không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1, không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử cũng như cố tình vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Như vậy, ông Đ và bà N1 đã từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình theo quy định pháp luật và ông Đ, bà N1 phải chịu hậu quả về việc vắng mặt của mình.

[2.2]. Do đó, có căn cứ buộc ông Đ và bà N1 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ còn tính đến ngày 28/01/2026 là 672.347.601 đồng (trong đó tiền gốc là 270.509.539 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.607.803 đồng, tiền lãi quá hạn là 313.230.259 đồng).

[2.3]. Về số tiền lãi vay và các tiền phí đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Điều 463, 464, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Minh N1.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 số tiền tính đến ngày 28/01/2026 là 672.347.601 đồng (trong đó tiền gốc là 270.509.539 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.607.803 đồng, tiền lãi quá hạn là 313.230.259 đồng) và tiền lãi phát sinh theo qui định của giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB kể từ ngày 29/01/2026 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải liên đới nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải chịu 30.893.904 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 số tiền 13.014.331 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029789 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà